| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT**<br>**TỈNH BÌNH DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc** |

Bản án số: 22/2024/KDTM - ST
Ngày: 30-7-2024
V/v: "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:* Bà Phạm Thị Hồng Phương.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Đặng Minh Lý

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Hoàng Văn Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương*** *tham gia phiên tòa:* Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2023/TLST-KDTM ngày 14 tháng 11 năm 2023 về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST– KDTM ngày 24 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2024/QĐST-KDTM, ngày 10 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Công ty TNHH Thương Mại HB. Địa chỉ: Số X đường C, khu phố 3, phường P, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Lê Thị D, sinh năm 1993, địa chỉ: Số X đường C, khu phố 3, phường P, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương là đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền ngày 26/9/2023) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn*: Công ty TNHH VT. Địa chỉ: Số thửa đất số X tờ bản đồ số 48, tổ 13, ấp L, xã A, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn bà Trương Thị Thúy O – chức vụ Giám Đốc. Vắng mặt

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*- Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/10/2023 và quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn Công ty TNHH Thương Mại HB do bà Lê Thị D đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Công ty TNHH Thương Mại HB (Công ty HB) có bán Dầu DO 0,05S-II, xăng Ron 95-III cho Công ty TNHH VT (Công ty 2020) theo Hợp đồng mua bán số 100/2022/HB/HĐMB ngày 01/01/2022.

Ngày 31/12/2022 Công ty TNHH VT xác nhận còn nợ Công ty TNHH TM HB số tiền: 47.990.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi bảy triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng ).

Đến ngày 14/07/2023, theo Biên bản làm việc và Biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ thì Công ty TNHH VT đại diện là Bà Trương Thị Thúy Oanh chức vụ Giám đốc có cam kết trả nợ, với nội dung:

"Căn cứ vào biên bản đối chiếu công nợ tính đến tháng 12/2022 đã ký giữa Công ty TNHH VT với Công ty TNHH TM HB, Công ty TNHH VT còn nợ Công ty TNHH TM HB số tiền là 47.990.000 đồng

Bằng chữ: Bốn mươi bảy triệu, chín trăm chín mươi ngàn đồng

Tôi cam kết:

- Thời hạn thanh toán: trước ngày 20 tây hàng tháng tôi cam kết trả 10.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười triệu đồng) cho đến khi hết khoản nợ trên tính từ tháng 08/2023

- Tôi chậm trả theo thỏa thuận thì sẽ chịu trách nhiệm đối với số tiền chậm trả tương ứng với lãi suất là 0.05%/ngày/số tiền chậm trả"

Ngày 14/11/2023, Công ty TNHH VT thanh toán 5.000.000 đ (Năm triệu đồng)

Ngày 20/12/2023, Công ty TNHH VT thanh toán 5.000.000đ (Năm triệu đồng)

Nội dung yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp đối với bị đơn như sau:
Buộc Công ty TNHH VT thanh toán cho Công ty TNHH TM HB số tiền là: 50.389.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi triệu ba trăm tám mươi chín nghìn đồng), bao gồm:

- Số tiền hàng xăng dầu Công ty TNHH VT chưa thanh toán cho Công ty TNHH TM HB đến ngày 30/07/2024 là: 37.990.000đ ( Bằng chữ: Ba mươi bảy triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng)

- Lãi chậm trả theo Điều 4.2 của Hợp đồng mua bán số 100/2022/HB/HĐMB ngày 01/01/2022 là 0,05%/ngày, tạm tính từ ngày 10/01/2023 đến 30/07/2024 là 567 ngày nên số tiền lãi chậm trả là:12.399.000 đồng ( Bằng chữ: Mười hai triệu, ba trăm chín mươi chín nghìn đồng)

+ Từ 10/01/2023 ->13/11/2023: 47.990.000đ x 0.05%x 308 ngày= 7.390.000 đồng

+ Từ 14/11/2023 -> 19/12/2023: 42.990.000đ x 0.05%x 36 ngày = 773.000 đồng

+ Từ 20/12/2023 -> 30/07/2024: 37.990.000đ x 0.05% x 223 ngày = 4.236.000 đồng

** Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 12/12/2023 của bị đơn Công ty TNHH VT do người đại diện hợp pháp của bị đơn là bà Trương Thị Thúy Oanh trình bày:*

- Công ty TNHH VT (Công ty 2020) thống nhất về số tiền nợ gốc mà hiện nay Công ty 2020 còn nợ Công ty HB là 50.389.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi triệu ba trăm tám mươi chín nghìn đồng). Quá trình giải quyết bà Oanh có trả cho công ty HB số tiền nợ gốc là 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Đối với số tiền lãi chậm thanh toán thì Công ty 2020 hiện đang gặp khó khăn nên không đồng ý thanh toán tiền lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự và nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng theo quy định pháp luật. Kiểm sát viên không có ý kiến cũng như kiến nghị sửa chữa, bổ sung gì thêm về phần thủ tục. Về nội dung, căn cứ theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện ngày 18/10/2023, Công ty TNHH Thương Mại HB yêu cầu Công ty TNHH VT phải trả cho Công ty TNHH Thương Mại HB số tiền còn nợ của hợp đồng mua bán số 100/2022/HB/HĐMB, ngày 01/01/2022 nên đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo quy định tại Điều 24 của Luật Thương mại.

[1.2] Về thẩm quyền: Theo nội dung thỏa thuận Điều VII của hợp đồng mua bán số 100/2022/HB/HĐMB, ngày 01/01/2022 giữa Công ty HB và Công ty 2020 thỏa thuận mọi tranh chấp xảy ra sẽ được Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một giải quyết. Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

[1.3] Về sự tham gia phiên tòa của đương sự: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn Công ty 2020 đã được triệu

tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ Khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về tiền gốc: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 01/01/2022, giữa Công ty HB và Công ty 2020 ký hợp đồng mua bán số 100/2022/HB/HĐMB nội dung Công ty HB cung cấp cho Công ty 2020 loại hàng hóa là Dầu DO 0.05S-II, Xăng E5Ron92-II, Xăng Ron 95-III và dầu nhờn các loại. Quá trình thực hiện hợp đồng mua bán thì giữa công ty HB và Công ty 2020 đã lập bảng đối chiếu công nợ từ ngày 01/12/2022 đến ngày 31/12/2022 thì Công ty 2020 còn nợ công ty HB số tiền 47.990.000 đồng. Sau đó, Công ty 2020 có biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ với nội dung "Trước ngày 20 tây hàng tháng tôi cam kết trả 10.000.000đ (Mười triệu đồng) cho đến khi hết khoản nợ trên tính từ tháng 8 năm 2023). Quá trình hòa giải tại tòa người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty 2020 là bà Trương Thị Thúy O cũng đã thừa nhận số tiền nợ gốc còn lại theo biên bản xác nhận công nợ là 47.990.000 đồng, ngày 14/11/2023 công ty 2020 đã trả cho công ty HB số tiền gốc 5.000.000đ, ngày 20/12/2023 trả số tiền 5.000.000đ, hiện còn nợ lại số tiền gốc là 37.990.000đ nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo Điều 91, Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Vì vậy, Công ty HB yêu cầu Công ty 2020 phải thanh toán số tiền thực hiện hợp đồng còn thiếu là 37.990.000đ là có cơ sở, phù hợp với Điều 50 của Luật Thương mại nên được chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu tiền lãi: Theo đơn khởi kiện và quá trình hòa giải, tại phiên tòa Công ty HB yêu cầu Công ty 2020 thanh toán số tiền lãi suất chậm trả theo thỏa thuận tại điều IV của hợp đồng mua bán "Nếu sau ngày 10 mà bên B vẫn chưa thanh toán hoặc thanh toán không hết bên A sẽ tạm ngưng cung cấp hàng cho bên B. Mọi tổn thất xảy ra cho bên B do bên An ngưng cung cấp hàng bên B tự gánh chịu và bên B phải chịu phạt trả chậm với lãi suất 0,05%/ngày/tổng số tiền nợ tính từ ngày hết hạn thanh toán theo quy định (ngày 10 hằng tháng)". Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất 0,05%/ngày đối với thời gian chậm thanh toán của số tiền gốc còn nợ. Về mức lãi suất, tại Điều 306 của Luật thương mại, quy định quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán "*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác".* Xét thấy, về mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu là phù hợp quy định pháp luật, về thời gian tính lãi chậm trả, nguyên đơn yêu cầu tính từ ngày 10/01/2023 đến ngày 13/11/2023: 47.990.000 đồng x 0.05% x 308 ngày = 7.390.000 đồng; từ ngày 14/11/2023 đến ngày 19/12/2023: 42.990.000 đồng x 0.05% x 36 ngày = 773.000 đồng; từ ngày 20/12/2023 đến ngày 30/07/2024: 37.990.000 đồng x 0.05% x 223 ngày = 4.236.000 đồng; với tổng số tiền lãi là 12.399.000 đồng (Bằng chữ: Mười hai triệu ba trăm chín mươi chín nghìn đồng) nên hội đồng xét xử chấp nhận. Do

đó, việc Công ty HB yêu cầu Công ty 2020 thanh toán số tiền lãi chậm trả là 12.399.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc thanh toán tiền gốc còn nợ và tiền lãi suất chậm trả.

Xét lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên có căn cứ chấp nhận.

Về án phí sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn Công ty TNHH VT phải chịu án phí là 3.000.000 đồng.

Công ty TNHH Thương Mại HB không phải chịu án phí do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 24; Điều 50; khoản 1 Điều 55; Điều 306 và Điều 319 Luật Thương mại 2005;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Thương Mại HB đối với bị đơn Công ty TNHH VT về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

- Buộc Công ty TNHH VT phải trả cho Công ty TNHH Thương Mại HB số tiền gốc là 37.990.000đ (ba mươi bảy triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng) và tiền lãi 12.399.000đ (mười hai triệu ba trăm chín mươi chín nghìn đồng). Tổng cộng là 50.389.000đ (năm mươi triệu ba trăm tám mươi chín nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành.

2. Về án phí sơ thẩm:

2.1 Công ty TNHH VT phải chịu số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

2.2 Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một hoàn trả cho Công ty TNHH Thương Mại HB số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) số tiền đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2023/0056442 ngày 03/11/2023.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai theo luật định./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- CC THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Hồng Phương**